

**DANH SÁCH SINH VIÊN K6 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định số: 790/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 29 tháng 10 năm 2014)

. Lớp: K6CD-MáyB - Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
					Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	DTU101C650162	Nguyễn Văn Hùng	09/07/1988	105	6.62	2.41	Trung bình khá	Trả nợ học phần
2	DTU101C650120	Trần Văn Mùi	16/09/1991	105	6.22	2.02	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K6CD-ĐiệnA - Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
					Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
3	DTU101C660009	Đặng Cao Cường	12/02/1992	105	6.19	2.08	Trung bình	Trả nợ học phần
4	DTU101C660046	Lý Văn Hùng	08/03/1992	105	6.17	2.03	Trung bình	Trả nợ học phần
5	DTU101C660010	Nguyễn Văn Toàn	22/02/1992	105	6.14	2.03	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K6CD-TinA - Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
					Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
6	DTU101C670068	Nguyễn Khắc Hậu	20/01/1991	105	6.22	2.08	Trung bình	Trả nợ học phần
7	DTU101C670035	Lý Đức Hiền	07/09/1991	105	6.12	2	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K6CD-TinB - Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
					Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
8	DTU101C670077	Nguyễn Hồng Quân	25/12/1991	105	6.11	2.01	Trung bình	Trả nợ học phần

. Lớp: K6CD-CD - Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
					Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
9	DTU101C750085	Đỗ Hải Hoàng	16/05/1992	105	6.14	2	Trung bình	Trả nợ học phần
10	DTU101C750010	Nguyễn Thế Lâm	07/10/1991	105	6.05	2	Trung bình	Trả nợ học phần
11	DTU101C750086	Đường Mã Phi	20/01/1990	105	6.13	2	Trung bình	Trả nợ học phần

